TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 449/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 26/9/2019.
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phê.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Sơn.
- Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

***Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Hữu Lộc –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú - tỉnh Bến Tre tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Phú Quí - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2019/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2019 về việc tranh chấp "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2131/2019/QĐXXST –HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 93a/QĐST – HNGĐ ngày 16/8/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ 3, phường CL, thị xã AYUNPA, tỉnh Gia Lai.

Chị Nguyễn Thị Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Huỳnh Văn C, sinh năm 1986. Địa chỉ: 77/1 ấp THA, TP, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày:

Vào năm 2009 chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Huỳnh Văn C tự nguyện sống chung như vợ chồng. Đến năm 2014 có đăng ký kết hôn Uỷ ban nhân dân TPvà được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/8/2014. Trong thời gian sống chung anh, chị có 02 con chung tên Huỳnh Thị M, sinh ngày 02/10/2010; Huỳnh Như Y, sinh ngày 18/11/2012, hiện nay hai con chung đang sống chung với anh C. Chị T và anh C không có tài sản chung và nợ chung.

Nguyên nhân chị T xin ly hôn với anh C là do trong thời gian chung sống anh, chị bất đồng quan điểm; anh C không quan tâm chăm sóc cho chị T. Từ năm 2014 cho đến nay thì chị T và anh C không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị T có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị T yêu cầu được ly hôn với anh Huỳnh Văn C. Chị T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn.

Về con chung: Hiện nay hai con chung đang sống chung với anh C; anh C và gia đình anh luôn thương yêu chăm sóc tốt cho hai con và cho hai con đi học, có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Do đó chị T đồng ý giao cho anh C được trực tiếp nuôi hai con chung tên Huỳnh Thị M, sinh ngày 02/10/2010; Huỳnh Như Y, sinh ngày 18/11/2012, chị T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Huỳnh Văn C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm. Trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xét thấy trong thời gian chung sống chị T và anh C đã phát sinh mâu thuẫn. Hai bên gia đình đã tìm cách để anh, chị hàn gắn nhưng không thành. Do đó có căn cứ hôn nhân giữa chị T và anh C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Anh Huỳnh Văn C có sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại 77/1 ấp THA, TP, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Huỳnh Văn C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh C vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị T, anh C.

[4] Về hôn nhân: Năm 2010 chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Huỳnh Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Uỷ ban nhân dân TP, huyện

P và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 12/8/2014. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T, anh C được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị T xin ly hôn với anh C là do trong thời gian sống chung anh, chị luôn bất đồng quan điểm nên không còn sống chung từ năm 2014 cho đến nay. Xét thấy: Từ năm 2014 cho đến nay chị T và anh C không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc khác Tòa án đã tạo điều kiện để chị T, anh C hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh C vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị T, anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[5] Do chị Nguyễn Thị Thanh T không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về con chung: chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Huỳnh Văn C có hai con chung tên Huỳnh Thị M, sinh ngày 02/10/2010; Huỳnh Như Y, sinh ngày 18/11/2012. Xét thấy: Từ năm 2014 chị T và anh C không còn sống chung thì con chung do anh C trực tiếp nuôi dưỡng, con chung có sự phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Mặt khác hiện nay con chung Huỳnh Thị M có nguyện vọng sống chung với anh C. Lẽ đó để không làm thay đổi môi trường sống và sinh hoạt hằng ngày của cháu nên cần giao cho anh C được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp với qui định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do anh C không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung chị Nguyễn Thị Thanh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh T. Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Huỳnh Văn C.

Chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Huỳnh Văn C không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Anh Huỳnh Văn C được trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Thị M, sinh ngày 02/10/2010; Huỳnh Như Y, sinh ngày 18/11/2012. Do anh Huỳnh Văn C không yêu cầu chị Nguyễn Thị Thanh T cấp dưỡng nuôi hai con chung nên không xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị Thanh T có quyền thăm con, chăm sóc, giáo dục con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết chị Nguyễn Thị Thanh T và anh Huỳnh Văn C có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thanh T phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003808 ngày 17/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự có mặt tại Tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)

Huỳnh Thị Phê

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND thị trấn Thạnh Phú
- Lưu.

Nơi nhận:
-VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Bình, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

HUỲNH THỊ PHÊ

Caùc Hoäi thaåm nhaân daân
Chuû toaï phieân toaø

Thaåm phaùn –

Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt

Huyønh Thò Pheâ